

THE VISUAL ART ON BRONZE WORSHIPING OBJECTS AT VIETNAM NATIONAL MUSEUM OF HISTORY

Le Thi Thanh

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: *lethithanh@dvttdt.edu.vn*

Received: 09/11/2021

Reviewed: 10/11/2021

Revised: 11/11/2021

Accepted: 15/11/2021

Released: 20/11/2021

The visual art on bronze worshiping objects is an element that is closely linked and contributes to the identification of worshiping works of the Vietnamese people. The bronze statue is not only made for simple worship but also elaborately and delicately carved by Vietnamese artisans to form beautiful works of art for the sacred worship space.

Key words: The visual art on worshiping object; bronze; Vietnam National Museum of History.

1. Đặt vấn đề

Có lẽ một loại hình không thể thiếu trong bất cứ một không gian thờ tự hay các di tích kiến trúc tín ngưỡng của người Việt, đó là các loại tượng thờ. Tượng thờ với nhiều loại kích thước to nhỏ, được thể hiện nhiều đề tài hay chủ đề ý niệm khác nhau. Tượng thờ bao gồm các loại tượng thần, phật, tượng quan, tượng phỗng... Qua khảo sát thực tế tại một số di tích tiêu biểu và nghiên cứu tư liệu của các tác giả đi trước, chúng tôi nhận thấy có thể chia thành 3 nhóm sau: nhóm tượng thần, nhóm tượng phật và nhóm tượng thờ chân dung. Đây là các nhóm tượng chúng tôi cảm nhận được nghệ thuật tạo hình khá đặc sắc và đưa lại hiệu quả thẩm mỹ cao, ngoài ra, còn có các nhóm tượng Kim cương, tượng phỗng, tượng quan hầu...

2. Tổng quan nghiên cứu

Tượng thờ chất liệu đồng là vấn đề được khá nhiều các nhà nghiên cứu lịch sử học nghệ thuật, dân tộc học, mỹ thuật hay tôn giáo học mỹ thuật... quan tâm dưới dạng sách chuyên khảo, luận văn, bài viết khoa học... Trong đó, đặc biệt phải nhắc đến những công trình nghiên cứu chuyên sâu của các tác giả: Trần Lâm Biền, Chu Quang Trứ, Thái Bá Vân, Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng, Ngô Đức Thịnh, Trang Thanh Hiền... Các công trình nghiên cứu của các tác giả đã có những đóng góp quan trọng trong việc sưu tầm, phát hiện và nghiên cứu về các yếu tố mỹ thuật truyền thống trên tượng thờ chất liệu đồng của người Việt. Năm 2003, tác giả Trần Lâm Biền công bố cuốn sách *Đồ thờ trong di tích của người Việt* do nhà xuất bản Văn hóa Thông tin phát hành. Năm 2019, cuốn sách được nhà xuất bản Thế giới tái bản [1]. Theo tác giả Trần Lâm Biền, có thể phân đồ thờ theo hai nhóm: đồ thờ nhân dạng và phi nhân dạng.

Trong đó, đồ thờ nhân dạng chính là hình tượng mang tính sáng tạo chủ quan của con người, nhằm cụ thể hóa một cách hồn nhiên nhất để biểu đạt hình ảnh của thần linh theo cách nhìn của mỹ thuật. Do con người luôn có ý thức lấy mình làm trung tâm, coi hình tượng của chính mình là chuẩn mực, nên đa số các vị thần thiêng liêng đều mang bóng dáng con người. Từ gợi ý này, tác giả bài viết đặt vấn đề nghiên cứu về tượng thờ nhằm phác họa, đánh giá và phân nào “giải mã” một số yếu tố văn hóa, nghệ thuật tạo hình trong di tích cổ truyền của người Việt.

Năm 2013, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia đã tiến hành nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở *Đồ đồng thời Lê - Nguyễn thế kỷ XV - XX* do tác giả Đinh Phương Châm, cán bộ phòng Quản lý Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Quốc gia làm chủ nhiệm đề tài. Trong nghiên cứu này, tác giả nhận định: “Tượng thờ bao gồm các loại tượng Phật, tượng Thần, tượng Quan... mỗi hiện vật là một tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh, phản ánh một nội dung nhất định có khả năng tồn tại độc lập trong tổng thể kiến trúc... chúng phản ánh phần nào tâm tư, ước vọng của người nông dân Việt Nam”.

Sách *Nghệ thuật tạo tác tượng Phật trong các ngôi chùa Việt* của tác giả Trang Thanh Hiền (2019) do nhà xuất bản Hà Nội phát hành, tập trung vào nghệ thuật tạo tác tượng Phật trong các ngôi chùa Việt ở miền Bắc Việt Nam trước thế kỉ XIX. Ngoài ra, cuốn sách còn điểm ra hàng loạt các phong cách nghệ thuật điêu khắc Phật giáo châu Á và đặt nghệ thuật Việt trong dòng chảy đa dạng, phong phú và rục rờ để thấy rõ hơn vị thế của điêu khắc Việt trong việc góp vào nguồn chung một dòng riêng. Tài liệu này khá gần với nội dung nghiên cứu của bài viết, vì vậy tác giả tiếp thu để có được cái nhìn toàn cảnh về nghệ thuật tạo tác tượng Phật trong các ngôi chùa Việt để so sánh đối chiếu với các tác phẩm nghiên cứu trong bài này.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu có liên quan đến tượng thờ chất liệu đồng nêu trên đã cung cấp cho tác giả nhiều thông tin, cũng như một số nhận định về đặc trưng của loại hình mỹ thuật tôn giáo tín ngưỡng, rất cần thiết và giúp ích cho tác giả có được cơ sở khoa học, nhiều gợi mở để phát triển hướng nghiên cứu mới. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về nghệ thuật tạo hình tượng thờ chất liệu đồng tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến tượng thờ chất liệu đồng cũng chỉ được đề cập rất hạn chế. Vì vậy, trong khuôn khổ bài viết này tác giả trình bày một số nghiên cứu về nhóm tượng thân, phật chất liệu đồng, kích thước nhỏ từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp để hiểu rõ đối tượng nghiên cứu và tìm ra các khoảng trống, các vấn đề bỏ ngỏ mà các nhà khoa học đi trước chưa đề cập đến. Tác giả dùng phương pháp điền dã để tiến hành thu thập các số liệu của đối tượng nghiên cứu giúp cho việc nghiên cứu có giá trị thực tiễn. Dùng phương pháp thống kê, so sánh nhằm làm sáng tỏ những vấn đề cần minh chứng, như: số lượng tượng thờ; đề tài, đồ án, thủ pháp trang trí; so sánh để tìm ra bản chất và các thành tố như bố cục, đường nét, màu sắc. Dùng phương pháp tiếp cận liên ngành để nhìn nhận một tượng thờ từ nhiều hướng, nhiều góc độ.

Đây là những phương pháp nghiên cứu chính của bài viết nhằm xây dựng một khung phân tích trên cơ sở các dữ liệu thu thập được qua điền dã để tiếp cận đối tượng, phân loại, đánh giá, khái quát, khảo tả, nắm bắt các chi tiết tạo hình nhằm làm rõ những diễn biến nghệ thuật và giá trị thẩm mỹ của tượng thờ chất liệu đồng ở Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam.

4. Nội dung nghiên cứu

4.1. Tượng thần linh

Tượng thờ thần linh chất liệu đồng hiện còn lại không nhiều, tuy nhiên chúng là những tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh, phản ánh nội dung thần thoại hay điển tích nhất định và có khả năng tồn tại độc lập trong tổng thể không gian thờ tự của các di tích kiến trúc hoặc tại các khu trung bày [4, tr. 22].

4.1.1. Tượng thần Độc Cước (thế kỷ XVIII - XIX)

Theo như tác giả tìm hiểu chuyện đất nước Việt xưa, với đường bờ biển dài, phần đất liền rộng, thần Độc Cước phải căng sức ra trị giặc dưới nước đánh lên, giặc trên bờ tháo về cung tên đánh xuống, nên ngài phải chia lực lượng ra là hai phần, phân thân làm hai, đầu óc phải chia đôi để tài thao lược chỉ huy cả 2 đội quân chống giặc. Sau này, để tưởng nhớ ơn thần Độc Cước người dân Sầm Sơn, Thanh Hóa lập đền thờ của ngài quay mặt ra biển.

Tượng thần Độc Cước cao 9cm, hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam, được tạo hình đứng trên bệ tạo sóng nước. Thể hiện nửa người, nửa khuôn mặt, mắt mở, mũi thẳng. Thần chỉ có tay trái, giơ lên trước ngực. Tóc để dài ngang vai, xõa sang phía vai phải. Trang phục trang trí hoa văn sóng nước, vẩy cá. Độc Cước là một vị thần nơi thờ chính tại đền Độc Cước ở Sầm Sơn, Thanh Hóa. Theo đạo sắc phong năm Cảnh Hưng thứ 14 (1738), thần Độc Cước tên là Chu Văn Khoan, có tài đức, giúp các đời vua dẹp yên giặc giã, giữ gìn bờ cõi, thần có hiệu Đại Pháp sư, có 7 phép màu để trị ma quỷ gian ác... và được vua phong bốn chữ “*Độc Cước sơn triêu*”.



H1. Tượng thần Độc Cước
(Nguồn ảnh tác giả chụp tại kho BTL SQGVN)



H1a. Số lưu kho LS2566 của Tượng thần Độc Cước
(Nguồn ảnh tác giả)



H1b. Toàn thân của *Tượng thần Độc Cước*
(Nguồn ảnh tác giả)



H1c. Tay nài của *Tượng thần Độc Cước*
(Nguồn ảnh tác giả)

Đây là pho tượng tác giả cho là đẹp nhất trong số các pho tượng chúng tôi được tiếp cận trong kho của Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam. Hình bệ tượng được cách điệu từ hình sóng nước, một kiểu tạo hình đặc biệt rất khái quát, vừa như hoa văn xoáy bình thường đồng thời góc khác lại như hình lá trang trí. Vì tượng có niên đại thế kỷ XVIII - XIX thời Nguyễn, khi một số hoa văn trang trí phổ biến có hình lá thì điều này thấy xuất hiện ở đây, hoa văn phía trên vạt áo cũng cuộn lại như hình sóng nước và cũng tựa như hình chiếc lá đang rơi, cho thấy đây là cách giải quyết các họa tiết rất ước lệ, không phải cách mô phỏng tựa như thần Độc Cước đang cười trên ngọn sóng, với các nếp áo thật, hay hình mặt nước thật mà hoàn toàn là phong cách ước lệ, tượng trưng, tính chất minh họa truyện cổ tích thấy hiện diện rất ít ở pho tượng này.

Sức mạnh của vị thần này tỏa ra: trên khuôn mặt; toàn thân người là một khối chắc nịch; hướng bàn tay đưa dẫn lên khuôn mặt cho thấy sự tự tin, bình tĩnh không chút sợ hãi. Về màu sắc, màu đỏ và vàng rất ứng hợp với một vị thần đã kinh qua chiến tranh, bảo vệ sự bình yên, nên việc các nghệ nhân sơn son thếp vàng cho tượng là để thể hiện sức mạnh. Tóc màu đỏ, nhưng góc nghiêng lại như chiếc khăn vấn đội đầu tạo nên sự đối lập với màu vàng, sự lộng lẫy và mạnh mẽ cho thấy chủ ý rõ rệt của nghệ nhân xưa khi diễn tả pho tượng, cách tạo khăn vấn kiểu người nông dân Việt bình thường đã tạo nên sự gần gũi.

4.1.2. *Tượng thần Hộ pháp (thế kỷ XVIII - XIX)*

Tượng thần Hộ pháp hay còn gọi là tượng thần Kim cương cao 23cm, tư thế đứng trên bệ, khuôn mặt nghiêm nghị, đầu đội mũ có chóp nhọn, có dải trùm xuống vai, hai tay úp vào nhau, đưa lên trước ngực đỡ lấy thanh kiếm. Mặc áo giáp, hai vai và dải trước trang trí vẩy cá, chân đi ủng cao. Hộ pháp là người bảo vệ chính pháp. Đạo Phật quan niệm tượng Kim cương như một biểu tượng của hộ pháp, bởi tâm hồn của vị thần trong sáng, với ý thức cương quyết bảo vệ trước những nguy hiểm. Tượng vừa mang tư cách bảo hộ nhưng cũng được người Việt hội tụ vào đó một ý nghĩa phản ánh về ước vọng nông nghiệp thường trực của người dân Việt đương thời.



H1. Tượng thần Hộ pháp
(Nguồn ảnh tác giả chụp tại kho BTL SQGVN)



H1a. Chân dung Tượng thần Hộ pháp
(Nguồn ảnh tác giả)

4.1.3. Tượng Tê Thiên Đại Thánh (thế kỷ XVIII - thế kỷ XIX)

Tượng Tê Thiên Đại Thánh cao 9cm, đang ở trong tư thế bước lên bệ giả sơn. Mình mặc áo giáp, đầu đội mũ miện, nét mặt thanh tú. Nhân vật được bắt nguồn từ truyền thuyết Hanuman, một anh hùng khi Ấn Độ từ thiên sử thi Ramyana. Là nhân vật chính trong tiểu thuyết Tây Du Ký, nhân vật giả tưởng nổi tiếng nhất trong văn học Trung Quốc.



H1. Tượng Tê Thiên Đại Thánh
(Nguồn ảnh tác giả chụp tại kho BTL SQGVN)



H1a. Số lưu kho 18b2387 của tượng Tê Thiên Đại Thánh
(Nguồn ảnh tác giả)



H1b. Góc nghiêng của Tượng Tê Thiên Đại Thánh
(Nguồn ảnh tác giả)



H1c. Chân dung Tượng Tê Thiên Đại Thánh
(Nguồn ảnh tác giả)

Từ việc phân loại khảo tả quan sát trên nhóm tượng thờ thần chất liệu đồng từ thế kỷ XVIII - XIX tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam đã thấy được đôi nét về kĩ thuật và nghệ thuật trang trí trên tượng đồng thời kỳ này. Đó là, các nghệ nhân đồ đồng đã biết cách pha chế hợp kim khác nhau để tạo ra những loại hình tượng thờ khác nhau. Kĩ thuật pha chế thời kỳ này một mặt tiếp thu truyền thống, đồng thời ngày càng cải tiến để làm phong phú thêm cho mỗi tượng thờ được tạo tác.

4.2. Tượng Phật

Dẫn lời PGS.TS Trần Lâm Biền “Những pho tượng trên chùa, thực chất nhằm mục đích nói về lễ đạo, đồng thời là những bài học dạy làm người theo tư tưởng Phật giáo...” [1, tr. 36]. Chúng tôi xin được kế thừa tư tưởng ấy trong bài viết này khi phân tích các nhóm tượng Phật.

4.2.1. Tượng Phật Tam thế (thế kỷ XVII - XVIII)

Tượng cao 25,5 cm, thể hiện tư thế ngồi khoanh chân trên bệ sen, y phục cà sa phủ kín mình, yếm ngực, thắt nút dài buộc, tỷ lệ thân bằng ba lần chiều cao đầu. Đầu nhô khối tròn. Trán nở, mũi thon, mắt khép hờ, chân dung thanh thoát mang vẻ thiền định, soi rọi nội tâm. Tóc xoắn bụt ốc.



H1. Tượng Phật Tam thế chụp thẳng
(Nguồn ảnh tác giả chụp tại kho BTL SQVN)



H1a. Tượng Phật Tam thế chụp phía sau
(Nguồn ảnh tác giả chụp)



H1b. Tượng Phật Tam thế chụp nghiêng
(Nguồn ảnh tác giả chụp)



H1c. Chụp chân dung tượng Phật Tam thế
(Nguồn ảnh tác giả chụp)

Tư thế hàng ma được thể hiện ở bức tượng này là biểu hiện của ấn quyết (gọi là thủ ấn). Nghệ thuật tạo hình tượng tổng thể chung cũng giống tư thế các tượng Phật khi ngồi trong bố

cục tam giác, nhưng vấn đề tạo hình ở đây cho thấy tác giả đưa khuôn hình vào diễn đạt hầu hết là khái quát, tạo nên sự khỏe khoắn của tổng thể pho tượng. Với tư thế này thì cách cân bằng thể hiện trong tượng là một số nếp mờ của trang phục khi ngắm (hơi nheo mắt lại) thì chủ yếu thấy nét bao quát bên ngoài do ánh sáng tác động vào chòn vòn quanh tượng tạo nên các đường viền công tua của tượng. Ở đây cách sử dụng nét tạo hình trên khối cô đọng, không phân tích, không tỉa kỹ để đối lập lại với các khối chỗ thì mềm mại, lúc lại tròn trịa, nghĩa là không khai thác khối chi tiết mà lấy các nếp vải đã cân bằng lại với khối đặc tổng quát của tượng.

Nếu đặt trong tương quan với các pho tượng cùng loại của Trung Quốc hay Ấn Độ thì có thể các nghệ nhân xưa còn đưa thêm các hoa văn trang trí dày đặc lên toàn bộ trang phục, nhưng đối với tượng này ta thấy nghệ nhân hầu như buông đi các chi tiết đó nên tượng không có gì ngoài bộ trang phục rất giản dị, chủ yếu khai thác các nếp vải quyết định tư thế nhân vật là chính. Tính chất phân mảng nếu để ý kỹ có thể thấy các nhịp vai áo buông xuống, nhịp treo của cánh tay nâng, các đường lượn hầu như ăn ý và xoắn bện vào nhau đến mức không thể tách rời; ở phía sau cũng cho thấy sự hòa quện đến mức tuyệt đối. Những đường cong này là sự vận hành giống như sự vô cùng tận của tư tưởng Phật giáo, các đường nét biến hóa trong không gian hòa vào nhau một cách khăng khít. Các khối và nếp vải phân ra ống tay, vai áo và vạt áo, yếm và dây buộc thắt lưng... nhưng tất cả các nét đều cho thấy sự hòa quện, liên kết chặt chẽ.

Kết cấu hoa sen bệ tượng được để rất thô, các cánh sen không tạo viền, không trang trí hay tạo ma che đều sợi của từng cánh hoa. Sự đối lập này nhìn thấy rất rõ từ phần đầu tượng với sự nhắc lại của búi tóc với các chấm điểm lộn tóc dày đặc đã được giản lược đi thành những khối đều đặn; các họa tiết ẩn xuất hiện trở lại ở phần vai trái của tượng, kéo thị giác xuống theo các nhịp điệu động - tĩnh - động, bên đối diện giảm mức độ chuyển động, trong khi chính tay phải lại đang giơ lên nhìn rất động. Như vậy, từ bệ sen đến nhịp điệu của toàn bức tượng đều có giá trị để dẫn dắt tôn vinh phần ngón tay đang giơ lên đồng thời kết thúc hướng mắt người nhìn vào chân dung bức tượng - phần trí tuệ của khuôn mặt.

4.2.2. Tượng Thích ca sơ sinh (thế kỷ XVII - XVIII)

Theo tác giả hiểu, bản thân Phật Thích ca sau khi bước qua bông sen thứ nhất, bông sen thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu rồi nhập vào bông sen thứ bảy thì ý nghĩa lần lượt là bản thân ngài lấy sự thánh thiện, trong sáng, nguyên thủy đến tuyệt đối của một đứa trẻ sơ sinh để có thể mở được 7 luân sa, chỉ có cái tâm trong sáng tuyệt đối như vậy mới có thể được mở các đại huyệt để tìm con đường đạo. Như vậy, sau khi Thích ca tìm được con đường đạo hoàn chỉnh rồi thì ngài nói: “Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn” [3, tr. 76] nghĩa là “Trên là trời, dưới là đất nhưng mà phải lấy được cái bản ngã sơ sinh (trời cho), cái linh hồn thánh thiện lần lượt bước qua bảy bông hoa sen mới mở được 7 luân sa và mới trở về được với đấng tối thượng, tìm thấy bản ngã của chính mình.



H2. Tượng Thích ca sơ sinh
(Nguồn ảnh tác giả chụp tại kho BTL SQGVN)



H2a. Chụp chân dung và 2 tay của tượng
Thích ca sơ sinh
(Nguồn ảnh tác giả chụp)



H2b. Phần bệ và chân của tượng Thích ca sơ sinh
(Nguồn ảnh tác giả chụp)

Ở tác phẩm này, ta thấy nổi bật lên là khoảng trống, sử dụng không gian mang tính chất ước lệ 3 chiều, về cơ bản vẫn là dạng phù điêu. Tất cả các nét viền công tua ngoài hình [H2] cắt rất đanh không có dấu hiệu của các khối chuyển như trong các tượng tròn. Ở đây ta thấy, hướng của các con rồng đều đang chầu vào vị Phật. Tương truyền, khi Người sinh ra có chín con rồng xuất hiện, như vậy bức tượng chỉ mang tính chất minh họa như các hướng chuyển động của các đối tượng rồng - mây xung quanh của pho tượng. Tính chất trang nghiêm của pho tượng căn cứ vào trực đứng chung của bức tượng, với tay phải chỉ lên và tay trái chỉ xuống hiển thị cho chiều dương và chiều âm [H2a]. Hai chiều này khá hài hòa do tổng thể của tượng và vị trí của mặt nên ta thấy khuôn mặt rơi đúng vào tỷ lệ vàng (1/3: 1/3 phần trên xuống và 2/3 phần dưới lên). Người nghệ nhân xưa đã bố trí khuôn mặt Phật ở vị trí rất chuẩn, đồng thời nhịp điệu của những con rồng hội tụ về cho thấy hướng các tia tập trung hết vào chân dung đức Phật. Như vậy, tác giả nhận thấy khá là phù hợp để giải quyết ý tưởng “Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn” - tập trung vào khuôn mặt - vào bản ngã của mình.

4.2.3. Tượng Quan Âm tổng tử (thế kỷ XVII - XVIII, thời Lê Trung Hưng)

Tượng cao 23 cm, thể hiện Quan Âm ngồi trên bệ giả sơn, đầu trùm mũ, mình mặc áo trùm dài mềm mại, chân để trần, hai tay bế đỡ một em bé. Đây chính là Quan Âm tổng tử, tay ẵm đứa bé trong tích truyện cổ Quan Âm rất phổ biến tại Việt Nam. [5, tr. 53]



H3. Tượng Quan Âm tổng tử chụp thẳng
(Nguồn ảnh tác giả chụp tại kho BTL SQGVN)



H3a. Tượng Quan Âm tổng tử chụp nghiêng
(Nguồn ảnh tác giả chụp)



H3b. Chụp chân dung Phật sơ sinh của
tượng Quan Âm tổng tử
(Nguồn ảnh tác giả chụp)



H3c. Phật sơ sinh của tượng Quan Âm tổng tử
(Nguồn ảnh tác giả chụp)

Quan Âm tổng tử là hình tượng xuất phát từ Trung Quốc, những nơi thờ phụng vị Quan Âm này ở một số tư gia và chùa chiền, chủ yếu là để cầu con cái, vị này khác với Quan Âm Thị Kính. Người Việt coi việc cầu con cái với vị Quan Âm này là rất thuận lợi. Tượng có ba mặt, nhìn mặt trước cũng là trong bố cục tam giác nhưng không phải là tam giác cân tuyệt đối.

Phần mặt không ở tư thế nghiêm trang, ngay ngắn mà là tư thế có rung động nhẹ, tư thế chạy chéo, không vuông góc với phần ngực mà chạy xuống, hòa nhịp với hướng tay chung và hướng chéo của vạt áo. Hướng của ống tay áo có tính chất phá cách với hướng cánh tay, nhịp vận động của quần áo, nhịp chuyển đổi của các nếp vải nhìn rất linh hoạt. Phần dưới nơi tượng đặt chân đến để tượng là cách buông khối. Toàn bộ hướng chung của tượng cho thấy tụ về đứa bé và phần chân dung Phật Quan Âm. Nhìn góc nghiêng [H3, H3a] cũng vậy, tất cả dồn lên, chuyển sang và chạy xuống đều dồn vào vị trí của đứa bé. Như vậy, ta thấy tinh thần chung của bức tượng do đặc điểm là vị Phật ban con, nên bàn tay của Quan Âm có cách tạo hình là không ôm đứa bé vào lòng như mọi hình ảnh mẫu tử khác, không có sự trù mến, quan tâm giống như một người mẹ với người con của mình mà động thái của khuôn mặt thì không

nhìn xuống cũng không có ác ý gì với đứa trẻ, rõ ràng đây là động tác mang tính chất ban phát một đứa con. Nhìn kỹ khuôn mặt Phật rất rạng ngời, không mang tính chất cau có hay hắt hủi gì đứa trẻ. Toàn bộ các nhịp điệu của tượng vì vậy dồn vào đứa bé đồng thời hướng về khuôn mặt Phật đang tỏa sáng ở trên. Như vậy, cách giải quyết tạo hình rất giỏi đã nêu bật được đặc điểm của vị Quan Âm tổng tử này, là vị Phật rất linh nghiệm, luôn độ cho các gia đình hiếm muộn hoặc các phụ nữ có nhu cầu xin con.

4.2.4. Tượng Phật Quan Âm (thế kỷ XVII - XVIII)

Tượng cao 23 cm, thể hiện Phật bà tư thế ngồi khoanh chân, hai tay đan chéo đặt vào trong lòng. Mình mặc áo trùng dài tạo nếp mềm mại. Đầu đội khăn choàng rủ xuống ngang vai, trên đỉnh có tượng A di đà. Khuôn mặt hiền từ hơi cúi xuống, trong lịch sử Phật giáo, Bồ tát Quan thế âm được xem là vị bồ tát có thần lực nhất. Quan thế âm Bồ tát có nghĩa là luôn nhìn thấy, luôn nghe thấy mọi nỗi thống khổ của chúng sinh và sẵn sàng cứu giúp.



H4. Tượng Phật Quan Âm chụp trực diện
(Nguồn ảnh tác giả chụp tại kho BTL SVN)



H4a. Tượng Phật Quan Âm (góc nghiêng)
(Nguồn ảnh tác giả chụp)



H4b. Chân dung tượng Phật Quan Âm
(Nguồn ảnh tác giả chụp)



H4c. Tượng Phật Quan Âm chụp phía sau
(Nguồn ảnh tác giả chụp)

Các khối hình chung của tượng cũng được tạo hình rất khái lược chứ không khai thác quá nhiều về chi tiết. Có điều đặc biệt ở bức tượng này chính là tỉ lệ vai, về mặt nghệ thuật tạo hình vai của tượng bị thu lại khá nhỏ, chỉ tương đương chiều dài khoảng 1 đầu nhân vật. Ở

đây, chúng tôi cho rằng, người nghệ nhân muốn nhấn mạnh đặc điểm của người Việt (đầu to) và muốn tôn cao phần trí tuệ (hay còn gọi là hình nhi thượng) là phần trên, và toàn bộ tượng muốn tập trung vào phần chân dung này. Một điều đặc biệt nữa của pho tượng là người nghệ nhân đã dành sự thay đổi về chất cảm bề mặt khá rõ để miêu tả Phật Quan Âm như dành một số phần tạo chất: phần thân tượng là chất khá thô ráp, phần mặt thì để nhẵn mịn, tỷ lệ vừa phải của khăn cũng như phần trang trí của khăn, phần nếp trái tóc tương xứng, nhắc lại rất ăn ý với phần yếm thắt trên ngực và dải buộc nơi cổ áo của trang phục... Tất cả đủ thấy người nghệ nhân đã tính toán hoàn toàn để cân đối các mức độ đậm nhạt, mau thưa của nét, của chất chứ không phải là sự tạo hình ngẫu nhiên vụng về, cái thô ráp bên dưới trở nên có duyên chứ không phải sự yếu kém tay nghề của nghệ nhân. Nhìn chung, tất cả các yếu tố tạo hình trên đã làm rõ lên vẻ đẹp thuần Việt chứ không giống các mẫu tượng cùng loại của Trung Quốc hay Ấn Độ.

4.2.5. Tượng Phật Quan Âm Chuẩn đề (đầu thế kỷ XX)

Chuẩn Đề là một vị bồ tát trong trường phái Đại thừa. Bà được xem là Bhagavithi (trong tiếng Phạn có nghĩa là “nữ thân”), hay “mẹ của các Phật” và thường được xem là ngang hàng với Quán Thế Âm. Vị Bồ tát này chuyên hộ trì Phật pháp và bảo hộ những chúng sinh có mạng sống ngắn ngủi được thọ mạng lâu dài.

Tượng cao 19cm, ngồi khoanh chân trên bệ trang trí cánh sen đầu vuông. Quan Âm để tóc búi cao, đội mũ miện, khuôn mặt bầu bĩnh, mắt nhỏ khép hờ, giữa trán có tuệ nhãn, tai to chảy dài [H5]. Thân mặc áo choàng tạo dải mềm mại trước ngực. Gồm 14 tay, hai tay đan chéo đặt trong lòng, hai tay chắp trước ngực kết ấn, còn lại 10 tay giơ cao từ ngang đầu thấp dần xuống đang tư thế kết ấn. Toàn thân tượng khảm tam khí các họa tiết chữ Thọ, vân hồi, văn mây, hoa lá. Tượng Quan Âm thường đặt góc trong bên trái của thượng điện, các tượng này thường nhỏ và đối xứng với tượng Quan Âm tọa sơn bên phải. Quan Âm gắn với việc ủng hộ nền kinh tế giao thương buôn bán trên sông, trên biển.



H5. Tượng Phật Quan Âm Chuẩn đề
(Nguồn ảnh tác giả chụp tại kho BTL SVN)



H5a. Tượng Phật Quan Âm Chuẩn đề (góc sau lưng)
(Nguồn ảnh tác giả)



H5b. Các cánh tay của tượng Phật Quan Âm Chuẩn Đề
(Nguồn ảnh tác giả)



H5c. Chân dung tượng Phật Quan Âm Chuẩn Đề
(Nguồn ảnh tác giả)

Ở tượng này, tác giả nhận thấy khá giống với nhiều pho tượng chung chung khác đã có sẵn, không có gì đặc biệt, chỉ bàn đến nghệ thuật tạo hình nền hoa văn trên trang phục. Ở đây có các dạng họa tiết mờ, chìm nhẹ nhàng bên cạnh [H5b]. Hiệu quả tạo hình đồng nhắn, khác với những bức tượng còn để thô, trông có vẻ vụng về nhưng trên thực tế người nghệ nhân đã khai thác kỹ ở phần động và tĩnh của hình khối tổng thể... Ta thấy, pho tượng này khá là chín chu, mịn màng kết hợp với họa tiết áo mềm, mờ. Đây là nghệ thuật tạo hình trên đồng tam khí, khác với chất liệu đồng phủ sơn son thếp vàng. Chất cảm nhắn mịn kết hợp với các chất gắn thêm khác như thủy tinh màu (chất hồng trong) trên con mắt thần của tượng là dấu hiệu dễ nhận biết nhất có từ thời Nguyễn đến thế kỷ XX [H5c].

Có thể thấy, tượng Phật Quan Âm Chuẩn Đề là sự tiếp nối trong nghệ thuật tạo hình của tượng Phật Quan Âm nghìn mắt nghìn tay thế kỷ XVII tại chùa Bút Tháp, thiếu phần mảng tay phía sau tạo thành vòng hào quang xung quanh đức Phật và các chi tiết phụ dưới của tòa sen.

5. Thảo luận

Bài viết nghiên cứu về nghệ thuật tạo hình tượng thờ chất liệu đồng kích thước nhỏ từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam, để thấy được sự tiếp biến văn hóa truyền thống và sự “Việt hóa” các yếu tố ngoại sinh tiếp thu từ văn hóa nghệ thuật phương Đông và phương Tây trong nghệ thuật tạo hình tượng Phật với phong cách trang trí, ước lệ, tương trưng là chủ yếu. Tuy kích thước những tượng đồng này thường khiêm tốn (chỉ khoảng vài chục cm), phù hợp chung với không gian hành lễ, nhưng nghệ thuật diễn khối đã rất chi tiết, đạt hiệu quả tả chân khá cao.

Nhìn tổng quát, các bức tượng thờ chất liệu đồng kể trên dù không có hình khối, kích thước to lớn nhưng cấu tạo các khối và sự bố trí các quầng thắt, nghỉ, nở ra rồi lặp lại chu kỳ đó với các tỷ lệ linh hoạt đã đưa đến sự trùng trùng, điệp điệp và tính hoành tráng của hình khối. Tất cả các biểu hiện đó dẫn đến việc tạo hình các bức tượng Phật đều rất đẹp. Cách tạo hình thực và hư, đặc và rộng, sự tiết chế đến tối đa các đường nét thể hiện họa tiết, hoa văn trang trí, các điểm nhấn nháy rất nhẹ nhàng qua các khối tạo nên sự khác biệt, sự sang trọng, hoàn mỹ, thể hiện cho truyền thống văn hóa của dân tộc Việt và hội tụ nét đẹp lâu đời trong tín ngưỡng thờ cúng dân gian.

6. Kết luận

Sưu tập tượng thờ chất liệu đồng từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam có giá trị tiêu biểu về văn hóa vật chất và tinh thần. Đây là nguồn sử liệu quý, phản ánh sự tài hoa của những người thợ đúc đồng chế độ phong kiến Việt Nam đồng thời còn thể hiện đậm nét những giá trị mỹ thuật dân gian truyền thống. Việc lưu giữ bộ sưu tập đồ đồng này góp phần quan trọng trong việc đưa ra cái nhìn tổng quát về mỹ thuật Phật giáo vùng Bắc Bộ giai đoạn Cận đại của người Việt. Đây là việc làm đáng tự hào và trân trọng.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Trần Lâm Biền (2003), *Đồ thờ trong di tích của người Việt*, NXB Văn hóa Thông tin.
- [2]. Đinh Phương Châm (2013), *Đồ Đồng thời Lê - Nguyễn thế kỷ XV - XX tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ấn hành.
- [3]. Nguyễn Du Chi (2003), *Hoa văn Việt Nam*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
- [4]. Trang Thanh Hiền (2019), *Nghệ thuật tạo tác tượng Phật trong các ngôi chùa Việt*, NXB Hà Nội.
- [5]. Phan Cẩm Thượng (1997), *Điêu khắc cổ Việt Nam*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
- [6]. Chu Quang Trứ (2001), *Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TƯỢNG THỜ CHẤT LIỆU ĐỒNG TẠI BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUỐC GIA VIỆT NAM

Lê Thị Thanh

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: lethithanh@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/11/2021

Ngày phản biện: 10/11/2021

Ngày tác giả sửa: 11/11/2021

Ngày duyệt đăng: 15/11/2021

Ngày phát hành: 20/11/2021

Nghệ thuật tạo hình tượng thờ chất liệu đồng là một thành tố gắn bó mật thiết và góp phần định danh các công trình thờ cúng của người Việt. Tượng thờ chất liệu đồng không chỉ được chế tạo để thực hiện chức năng thờ cúng đơn thuần, mà đã được nghệ nhân Việt trau chuốt, chạm trổ, sơn thếp tinh tế nhất để trở thành các tác phẩm nghệ thuật làm đẹp cho không gian thờ cúng thiêng liêng.

Từ khóa: Nghệ thuật tạo hình tượng thờ; Chất liệu đồng; Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam.